

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ

Dự án: Khu đô thị Nam Cầu Dài (đợt 8)

Địa điểm: phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị

(Kèm theo Công văn số: /BQL ngày /4/2026 của Ban Quản lý dự án ĐTXD và PTQĐ Đồng Hới)

Trên cơ sở Quy định về chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng khi Nhà nước thu hồi đất tại các văn bản chính sách pháp luật, Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới lập phương án bồi thường, hỗ trợ và bố trí tái định cư cho các hộ gia đình cá nhân bị thu hồi đất để GPMB thực hiện dự án Khu đô thị Nam Cầu Dài, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị với những nội dung sau:

Căn cứ Luật Đất đai năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND ngày 11/02/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất; mức bồi thường chi phí di chuyển tài sản và mức bồi thường, hỗ trợ do phải di dời mồ mã trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 26/02/2025 của UBND tỉnh Quảng Bình về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình ban hành kèm theo Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND ngày 31/10/2024;

Căn cứ Quyết định số 2664/QĐ-UBND ngày 13/8/2018 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết Khu đô thị Nam Cầu Dài, phường Phú Hải, thành phố Đồng Hới;

Căn cứ Công văn số 1583/UBND-TH ngày 21/9/2018 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị Nam Cầu Dài;

Căn cứ Quyết định số 229/QĐ-UBND ngày 21/01/2020 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt Kết quả lựa chọn nhà đầu tư thực hiện Dự án Khu đô thị Nam Cầu Dài;

Căn cứ Chính lý địa chính và Thống kê kết quả chỉnh lý địa chính, tờ bản đồ địa chính số 4, 8, 9, phường Phú Hải, tỷ lệ 1:1000 do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường lập, được Sở Tài nguyên và Môi trường duyệt ngày 27/12/2024;

Căn cứ Thông báo số 19/TB-UBND ngày 18/7/2025 của UBND phường Đồng Hới về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị Nam Cầu Dài, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Công văn số 44/UBND ngày 05/3/2024 của UBND phường Phú Hải về việc xác nhận nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất do GPMB xây dựng khu đô thị Nam Cầu Dài tại phường Phú Hải, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Công văn số 1627/UBND-KTHT&ĐT ngày 03/4/2026 của UBND phường Đồng Hới về việc trả lời nội dung kiến nghị của ông Nguyễn Thanh Luân;

Căn cứ Công văn số 1626/UBND-KTHT&ĐT ngày 03/4/2026 của UBND phường Đồng Hới về việc trả lời nội dung kiến nghị của ông Ngô Văn Mây;

Căn cứ Công văn số 4247/UBND-KTHT&ĐT ngày 19/11/2025 của UBND phường Đồng Hới về việc xác nhận thời điểm, nguồn gốc hình thành tài sản của các hộ gia đình do GPMB thực hiện dự án Khu đô thị Nam Cầu Dài; Công văn số 110/UBND ngày 16/5/2024 của UBND phường Phú Hải về việc xác nhận thời điểm, mục đích xây dựng tài sản của các hộ gia đình do GPMB xây dựng Khu đô thị Nam Cầu Dài tại phường Phú Hải, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Công văn số 1984/UBND-KTHT&ĐT ngày 17/4/2026 của UBND phường Đồng Hới về việc xác nhận thời điểm, nguồn gốc hình thành tài sản của các hộ gia đình do GPMB thực hiện dự án Khu đô thị Nam Cầu Dài, phường Phú Hải;

Căn cứ số liệu kiểm đếm tại biên bản kiểm kê tài sản bị ảnh hưởng do giải phóng mặt bằng thực hiện công trình.

Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư như:

I. Nội dung phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:

1. Tổng diện tích đất thu hồi: 1.507,6 m².
2. Tổng số người có đất thu hồi: UBND phường Đồng Hới (03 hộ gia đình ông Ngô Văn Mây, ông Nguyễn Thanh Luỹnh, bà Nguyễn Thị Lành có tài sản tạo lập trên đất UBND phường).
3. Phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Không.
4. Phương án bố trí tái định cư: Không.
5. Phương án di dời mồ mả trong phạm vi đất thu hồi: Không.
6. Phương án di chuyển các công trình hạ tầng trong phạm vi đất thu hồi: Không.
7. Kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

Bằng chữ:

7.1. Tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: 1.149.434.900 đồng

Bằng chữ: Một tỷ, một trăm bốn mươi chín triệu, bốn trăm ba mươi bốn nghìn, chín trăm đồng.

Trong đó:

- Số tiền bồi thường về đất: 0 đồng
- Số tiền bồi thường về tài sản gắn liền với đất: 0 đồng
- Số tiền hỗ trợ: 1.149.434.900 đồng

7.2. Chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

8. Tiến độ thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Sau khi UBND phường Đồng Hới phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

- Thời gian thực hiện chi trả tiền: Trong thời gian 30 ngày kể từ ngày có Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.
- Thời gian bàn giao mặt bằng: Trong thời gian 20 ngày kể từ ngày chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ lần đầu.

II. Phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản:

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Các khoản hỗ trợ		

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Các khoản hỗ trợ		
1	Ông: Ngô Văn Mây, số ĐDCN: Nơi thường trú: TDP Phú Thượng, phường Đồng Hới Nơi ở hiện nay: TDP Phú Thượng, phường Đồng Hới Số điện thoại: 0975 974 089					0	0	451.446.600	451.446.600	Làm tròn số
A	Hỗ trợ tài sản trên đất							451.446.554		
*	<i>Thửa 20 TBĐ 9, đất UBND phường Phú Hải quản lý sử dụng (Công văn 44/UBND ngày 05/3/2024 của UBND phường Phú Hải xác nhận nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất) nên không bồi thường về đất. Tài sản do hộ gia đình xây dựng năm 1989, tại thời điểm tạo lập không có văn bản xử lý, ngăn chặn của cấp có thẩm quyền (xác nhận tại Công văn 110/UBND ngày 16/5/2024 của UBND phường Phú Hải và Công văn số 4247/UBND ngày 19/11/2025 của UBND phường Đồng Hới). Mức hỗ trợ = 80% mức bồi thường theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều 15 Quyết định 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh.</i>									
-	Nhà móng xây đá học xanh sâu 2m, tường xây gạch tô trát hoàn chỉnh, trụ giằng BTCT, mái lợp phibro xi măng, nền xi măng, cửa gỗ, hệ thống điện đầy đủ. Nhà cao 3,1m KT= 7,3x14 <i>Đơn giá: 3.268.000đ - 32.000đ x5 (chiều cao nhà thấp hơn quy định 0,5m; quy định nhà cao 3,6m) - 140.000đ (chênh lệch mái phibro/ngói)</i>	m ²	102,20	2.968.000	80%			303.329.600		Stt I.1.1.3 Mục A PL1 QĐ 23
-	Nhà móng xây đá học xanh, tường xây gạch tô trát hoàn chỉnh, mái lợp phibro, nền láng xi măng, cửa gỗ đơn giản. Nhà cao 2,8m. KT= 4x14 <i>Đơn giá: 2.126.000đ + 32.000đ (chiều cao nhà vượt quy định 0,1m; quy định nhà cao 2,7m) - 461.000đ (mái ngói gỗ nhóm 3,4) + 237.000đ (mái phibro gỗ nhóm 3,4)</i>	m ²	56,00	1.934.000	80%			86.643.200		Stt II.9 Mục A PL1 QĐ 23
-	Nhà vệ sinh tự hoại, kết cấu móng tường hầm tự hoại xây gạch đá các loại, nền lát gạch men ceramic, mái lợp phibro, bệ xôm, lavabo và thiết bị khác. Nhà cao 2m. KT= 3,2x1,7 <i>Đơn giá: 4.440.000đ - 453.000đ (mái ngói gỗ nhóm 5,6) + 168.000đ (mái phibro gỗ nhóm 5,6)</i>	m ²	5,44	4.155.000	80%			18.082.560		Stt VI.12.2 Mục B PL1 QĐ 23
-	Nền gạch men ceramic tiết diện <= 0,16m ² KT= 1x2,5	m ²	2,50	276.000	80%			552.000		Stt I.2.1 Mục B PL1 QĐ 23
-	Mái che lợp phibro, nền xi măng, trụ BTCT. KT= 2,7x14	m ²	37,80	771.000	80%			23.315.040		Stt VI.45.13 Mục B PL1 QĐ 23

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Các khoản hỗ trợ		
-	Bể chứa nước bằng bê tông phi 1,2m, cao 1,2m.KT= 0,6x0,6x3,14x1,2	m ³	1,35648	1.275.000	80%			1.383.610		Stt VI.16.2 Mục B PL1 QĐ 23
-	Bậc cấp xây gạch. KT= 1,5x1,2x1x2 cái	m ³	3,60	2.404.000	80%			6.923.520		Stt VI.7 Mục B PL1 QĐ 23
-	Hàng rào khung sắt cao 1,4m, dài 10m	m ²	14,00	558.000	80%			6.249.600		Stt VI.19.12 Mục B PL1 QĐ 23
-	Kè móng xây đá học xanh. KT= 0,6x0,4x12	m ³	2,880	2.156.000	80%			4.967.424		Stt VI.10 Mục B PL1 QĐ 23
*	<i>Hỗ trợ cây trồng trên đất không đủ điều kiện được bồi thường về đất, xác nhận tại Công văn số 1984/UBND-KTHT&ĐT ngày 17/4/2026 của UBND phường Đồng Hới (khoản 10 Điều 15 Quyết định số 30/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)</i>									
-	Chuối có buồng	cây	5,00	117.100	100%			585.500		Stt B.4.1 PL1 QĐ 12
-	Chuối sắp có buồng	cây	10,00	66.500	100%			665.000		Stt B.4.1 PL1 QĐ 12
-	Chuối nhỏ	cây	21,00	32.900	100%			690.900		Stt B.4.1 PL1 QĐ 12
-	Bồ đề phi 15cm	cây	18,00	545.000	100%			9.810.000		Stt F.6.1 PL1 QĐ 12
-	Mưng phi 10cm, cao >2m	cây	10,00	540.000	100%			5.400.000		Stt F.6.1 PL1 QĐ 12
-	Vạn tuế thân cao 30cm	bụi	1,00	198.900	100%			198.900		Stt F.5.1 PL1 QĐ 12
-	Cau cảnh bụi > 3 cây, thân cao > 2m	cây	3,00	354.700	100%			1.064.100		Stt F.7.1 PL1 QĐ 12
-	Sung phi 30cm	cây	4,00	179.200	100%			716.800		Stt F.2 PL1 QĐ 12
-	Hoa sữa phi 30cm	cây	2,00	198.900	100%			397.800		Stt F.12 PL1 QĐ 12
-	Xoan phi 40cm	cây	5,00	600.400	100%			3.002.000		Stt D.2.10 PL1 QĐ 12
-	Cừa phi < 5cm (trương tự cây si).	cây	20,00	42.500	100%			850.000		Stt F.6.1 PL1 QĐ 12
-	Hoa ngọc lan phi 50cm	cây	2,00	179.200	100%			358.400		Stt F.2 PL1 QĐ 12
-	Hoa ngọc lan phi 15cm	cây	2,00	119.400	100%			238.800		Stt F.2 PL1 QĐ 12
2	Ông: Nguyễn Thanh Lành, số ĐDCN: Nơi thường trú: TDP Phú Thượng, phường Đồng Hới Nơi ở hiện nay: TDP Phú Thượng, phường Đồng Hới Số điện thoại:					0	0	471.893.900	471.893.900	Làm tròn số
A	Hỗ trợ tài sản xây dựng trên đất							471.893.921		

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Các khoản hỗ trợ		
*	<i>Thửa 16 TBD 9, đất UBND phường Phú Hải quản lý sử dụng (Công văn 44/UBND ngày 05/3/2024 của UBND phường Phú Hải xác nhận nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất) nên không bồi thường về đất. Tài sản do hộ gia đình xây dựng năm 1988, tại thời điểm tạo lập không có văn bản xử lý, ngăn chặn của cấp có thẩm quyền (xác nhận tại Công văn 110/UBND ngày 16/5/2024 của UBND phường Phú Hải và Công văn số 4247/UBND ngày 19/11/2025 của UBND phường Đồng Hới). Mức hỗ trợ = 80% mức bồi thường theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều 15 Quyết định 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh.</i>									
-	Nhà móng đóng cọc tre, trụ móng BTCT, móng xây đá hộc xanh sâu 3,5m, tường xây gạch dày 25cm tô trát hoàn chỉnh quét vôi màu, trụ, giằng BTCT, mái lợp ngói, nền xi măng, cửa gỗ nhóm 2 và nhóm 3, nhà xây cao 2,9m. KT= 7,5x9,4 <i>Đơn giá: 3.336.000đ - 32.000đ (chiều cao nhà thấp hơn quy định 0,1m; quy định nhà cao 3,6m)</i>	m ²	70,50	3.304.000	80%			186.345.600		Stt I.1.1.3 Mục A PL1 QĐ 23
+	Chênh lệch cửa đi, cửa sổ không khuôn ngoại nhóm 2/nhóm 3 KT= 1,2x1,9+0,9x1,9+1,2x1,3x5 cửa <i>Đơn giá: 3.204.000đ (cửa nhóm 2) - 2.104.000đ (cửa nhóm 3)</i>	m ²	11,79	1.100.000	80%			10.375.200		Stt IV.1 và IV.2 Mục B PL1 QĐ 23
-	Nhà bếp tường xây gạch tô trát hoàn chỉnh, nền láng xi măng, mái lợp tôn, cửa đơn giản. Nhà cao 2,2m. KT= 3,2x7,5 <i>Đơn giá: 2.126.000đ - 32.000đ x 5 (chiều cao thấp hơn quy định 0,5m; quy định tường nhà cao 2,7m)</i>	m ²	24,00	1.966.000	80%			37.747.200		Stt II.9 Mục A PL1 QĐ 23
+	Tấm đan kê bếp BTCT. KT= 0,8x1,7x0,1x3 tấm	m ³	0,408	6.830.000	80%			2.229.312		Stt VI.4 Mục B PL1 QĐ 23
+	Đá Thanh Hóa ốp tấm đan. KT= 0,8x3,5	m ²	2,80	991.000	80%			2.219.840		Stt I.2.5.5 Mục B PL1 QĐ 23
-	Nhà vệ sinh tự hoại, kết cấu móng tường hầm tự hoại xây gạch đá các loại, nền lát gạch men ceramic, tường ốp gạch men ceramic, mái lợp tôn, bệ xô, lavabo và thiết bị khác. KT= 1,8x2,6	m ²	4,680	5.086.000	80%			19.041.984		Stt VI.12.1 Mục B PL1 QĐ 23
-	Chuồng heo tường xây blo, nền láng xi măng, mái lợp phibro, chuồng cao < 2m KT= 2,5x3,7	m ²	9,250	718.000	80%			5.313.200		Stt VI.50.3 Mục B PL1 QĐ 23

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Các khoản hỗ trợ		
-	Mái che lợp tôn, nền xi măng, khung sườn sắt, trụ BTCT. KT= 7,5x2,9	m ²	21,750	771.000	80%			13.415.400		Stt VI.45.13 Mục B PL1 QĐ 23
-	Chuông gà mái tôn, nền xi măng, bao che bằng tôn, chuông cao 2,5mKT= (1,5x1,8)+(1,4x2,2)	m ²	5,780	547.000	80%			2.529.328		Stt VI.50.5.1 Mục B PL1 QĐ 23
-	Nhà mái lợp tôn, khung sườn sắt, vì kèo mái bằng sắt, trụ BTCT, nền láng xi măng, xung quanh bao che bằng tôn. Nhà cao 2,7m KT= 6,1x8	m ²	48,80	2.393.000	80%			93.422.720		Stt IV.3.2 Mục A PL1 QĐ 23
-	Mái che lợp phibro, nền xi măng, trụ sắt, khung sắt. KT= 5,5x2,2	m ²	12,10	771.000	80%			7.463.280		Stt VI.45.13 Mục B PL1 QĐ 23
-	Nhà vệ sinh tự hoại, kết cấu móng tường hầm tự hoại xây gạch đá các loại, nền gạch men ceramic, tường ốp gạch men ceramic, bệ bệ, lavabo và thiết bị khác, mái lợp ngói. KT= 2,5x3,1	m ²	7,750	5.086.000	80%			31.533.200		Stt VI.12.1 Mục B PL1 QĐ 23
-	Sân BTXM. KT= 2x3	m ²	6,00	211.000	80%			1.012.800		Stt VI.18.1 Mục B PL1 QĐ 23
-	Mái che khung sườn sắt mái lợp tôn, nền láng xi măng, trụ sắt. KT= 5,1x3	m ²	15,30	771.000	80%			9.437.040		Stt VI.45.13 Mục B PL1 QĐ 23
-	Bệ rửa xe xây gạch. KT= 3,2x1,2x1,8x2 bệ	m ³	13,8240	2.404.000	80%			26.586.317		Stt VI.7 Mục B PL1 QĐ 23
-	Giếng đào thả buy phi 1,2m nền xi măng	m	7,00	2.651.000	80%			14.845.600		Stt VI.28.5 Mục B PL1 QĐ 23
*	<i>Hỗ trợ cây trồng trên đất không đủ điều kiện được bồi thường về đất, xác nhận tại Công văn số 1984/UBND-KTHT&ĐT ngày 17/4/2026 của UBND phường Đồng Hới (khoản 10 Điều 15 Quyết định số 30/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)</i>									
-	Sung phi 50cm	cây	2,00	179.200	100%			358.400		Stt F.2 PL1 QĐ 12
-	Hoa sữa phi 40cm	cây	1,00	198.900	100%			198.900		Stt F.12 PL1 QĐ 12
-	Dừa trồng 15 năm	cây	2,00	106.800	100%			213.600		Stt B.4.1 PL1 QĐ 12
-	Cừa phi 20cm (trương tự cây si)	cây	1,00	545.000	100%			545.000		Stt F.6.1 PL1 QĐ 12
-	Khế phi 12cm, trồng năm 2012 (14 năm)	cây	1,00	134.700	100%			134.700		Stt B.16.1 PL1 QĐ 12
-	Bưởi phi 15cm, trồng năm 2012 (14 năm)	cây	2,00	1.523.400	100%			3.046.800		Stt B.1.1 PL1 QĐ 12

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Các khoản hỗ trợ		
-	Cam phi 8cm, trồng năm 2018 (8 năm)	cây	3,00	714.400	100%			2.143.200		Stt B.2.1 PL1 QĐ 12
-	Chuối có buồng	cây	3,00	117.100	100%			351.300		Stt B.4.1 PL1 QĐ 12
-	Chuối sắp có buồng	cây	7,00	66.500	100%			465.500		Stt B.4.1 PL1 QĐ 12
-	Chuối con	cây	11,00	32.900	100%			361.900		Stt B.4.1 PL1 QĐ 12
-	Hỗ trợ công di dời máy móc (01 máy rửa xe ô tô, máy máy loại 150kg, máy vào lớp, ra lớp 95kg, máy bơm lớp (mỡ lớp ô tô))	công	2,00	278.300				556.600		Đơn giá taj Quyết định số 78/QĐ-SXD ngày 14/01/2025 của Sở Xây dựng
3	Bà: Nguyễn Thị Lành Nơi thường trú: TDP Phú Thượng, phường Đồng Hới Nơi ở hiện nay: TDP Phú Thượng, phường Đồng Hới Số điện thoại: 0977 842 586					0	0	226.094.400	226.094.400	Làm tròn số
A	Hỗ trợ tài sản xây dựng trên đất							226.094.373		
*	<i>Thửa 28 TBD 9, đất UBND phường Phú Hải quản lý sử dụng (Công văn 44/UBND ngày 05/3/2024 của UBND phường Phú Hải xác nhận nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất) nên không bồi thường về đất. Tài sản do hộ gia đình xây dựng năm 1988, tại thời điểm tạo lập không có văn bản xử lý, ngăn chặn của cấp có thẩm quyền (xác nhận tại Công văn 110/UBND ngày 16/5/2024 của UBND phường Phú Hải và Công văn số 4247/UBND ngày 19/11/2025 của UBND phường Đồng Hới). Mức hỗ trợ = 80% mức bồi thường theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều 15 Quyết định 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh.</i>									
-	Nhà móng xây đá học sâu 2m, tường xây gạch tô trát hoàn chỉnh, nền láng xi măng, mái lợp tôn, khung sườn mái bằng sắt, cửa sắt. Nhà xây cao 3m. KT= 5,5x7 Đơn giá: 2.126.000đ + 32.000đ x 3 (chiều cao tường vượt quy định 0,3m; quy định tường cao 2,7m)	m ²	38,50	2.222.000	80%			68.437.600		Stt II.9 Mục A PL1 QĐ 23
-	Mái che lợp tôn, khung sườn mái bằng sắt, xung quanh bao che, nền xi măng, trụ sắt. KT= 4,8x14,4	m ²	69,12	771.000	80%			42.633.216		Stt VI.45.13 Mục B PL1 QĐ 23
-	Mái che lợp tôn, khung sườn sắt, trụ sắt, nền xi măng. KT= 4,5x5,8	m ²	26,10	771.000	80%			16.098.480		Stt VI.45.13 Mục B PL1 QĐ 23
-	Nhà vệ sinh tự hoại, kết cấu móng hầm tường tự hoại xây gạch đá các loại, mái lợp tôn, nền lát gạch men, bệ xôm, lavabo và thiết bị khác, tường ốp gạch men, cửa gỗ. KT= 3,4x2	m ²	6,80	5.086.000	80%			27.667.840		Stt VI.12.1 Mục B PL1 QĐ 23

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Các khoản hỗ trợ		
-	Bệ rửa xe xây gạch. KT= 1,4x4,4x2x2 bệ	m ³	24,640	2.404.000	80%			47.387.648		Stt VI.7 Mục B PL1 QĐ 23
-	Bể nước xây gạch.									
+	Bể 1: KT= 1,2x3,4x0,6	m ³	2,4480	1.047.000	80%			2.050.445		Stt VI.16.3 Mục B PL1 QĐ 23
+	Bể 2: KT= 1x1,4x1,2	m ³	1,680	1.275.000	80%			1.713.600		Stt VI.16.2 Mục B PL1 QĐ 23
-	Sân BTXM. KT= 3,2x3,4+4,5x14	m ²	73,880	211.000	80%			12.470.944		Stt VI.18.1 Mục B PL1 QĐ 23
-	Biển quảng cáo in bạt, khung sắt. KT= 6,5x1,2+2,3x4	m ²	17,00	256.000	80%			3.481.600		Stt VI.46.1 Mục B PL1 QĐ 23
*	<i>Hỗ trợ cây trồng trên đất không đủ điều kiện được bồi thường về đất, xác nhận tại Công văn số 1984/UBND-KTHT&ĐT ngày 17/4/2026 của UBND phường Đồng Hới (khoản 10 Điều 15 Quyết định số 30/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)</i>									
-	Sanh phi 50cm	cây	1,00	1.370.000	100%			1.370.000		Stt F.6.1 PL1 QĐ 12
*	Hỗ trợ công di dời máy móc (02 máy hơi cỡ lớn, 01 máy hơi cỡ nhỏ, 04 máy rửa xe cao áp, 02 máy làm lớp, 01 máy cân ly tâm vành, 01 máy cân chỉnh độ chụm, 02 máy bơm mỡ, 01 máy hút dầu, 01 máy hút bụi, 02 máy tạo bọt tuyết, 01 máy hàn, 06 máy tháo bu lông ốc vít, 01 máy ép số, 01 máy khoan ly tâm, 02 máy cắt cầm tay, 02 máy đánh bóng, 18 vành xe các loại, 08 kích các loại, 02 ba lăng xích, 03 dụng cụ đồ nghề, 02 bồn đựng nước)	công	10,00	278.300				2.783.000		Đơn giá taj Quyết định số 78/QĐ-SXD ngày 14/01/2025 của Sở Xây dựng
4	UBND phường Đồng Hới					0	0	0	0	
A	Bồi thường về đất									
-	Thửa đất số 15(1) tờ bản đồ số 9 (Phú Hải), đất trồng cây hằng năm khác (HNK)	m ²	104,00							
-	Thửa đất số 28 tờ bản đồ số 9 (Phú Hải), đất trồng cây hằng năm khác (HNK)	m ²	217,20							
-	Thửa đất số 16 tờ bản đồ số 9 (Phú Hải), đất trồng cây hằng năm khác (HNK)	m ²	189,20							
-	Thửa đất số 20 tờ bản đồ số 9 (Phú Hải), đất trồng cây hằng năm khác (HNK)	m ²	135,50							

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Các khoản hỗ trợ		
-	Thửa đất số 3(2) tờ bản đồ số 4 (Phú Hải), đất trồng cây hằng năm khác (HNK)	m ²	60,60							
-	Thửa đất số 2 tờ bản đồ số 8 (Phú Hải), đất trồng cây hằng năm khác (HNK)	m ²	213,20							
-	Thửa đất số 4(4) tờ bản đồ số 4 (Phú Hải), đất trồng cây lâu năm (CLN)	m ²	109,40							
-	Thửa đất số 24(2-2) tờ bản đồ số 15 (Phú Hải), đất bằng chưa sử dụng (BCS)	m ²	319,40							
-	Thửa đất số 27(3) tờ bản đồ số 9 (Phú Hải), đất giao thông (DGT)	m ²	159,10							
<i>Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 101 và khoản 1 Điều 217 Luật Đất đai 2024 thì các thửa đất trên không được bồi thường về đất.</i>										
Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ						0	0	1.149.434.900	1.149.434.900	

(Bằng chữ: Một tỷ, một trăm bốn mươi chín triệu, bốn trăm ba mươi bốn nghìn, chín trăm đồng)./.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Hoàng Vũ Diệu Thúy

